



**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BB-VIMICO

**ĐỰ THẢO**

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2022

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại số 193 Nguyễn Huy Tường, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

**A. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, MÃ SỐ DOANH NGHIỆP**

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Địa chỉ trụ sở chính: số 193 Nguyễn Huy Tường, P.Thanh Xuân Trung, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/4/2018

**B. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Đại diện cổ đông đủ điều kiện được mời tham dự đại hội có 1.093 cổ đông và người đại diện được ủy quyền, đại diện cho 200.000.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Thành phần tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP gồm có:

- Cổ đông Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam: Đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Văn Hải; chức vụ: Trưởng ban của TKV, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty.

- Các cổ đông và đại diện cho các cổ đông khác của Tổng công ty (có Danh sách kèm theo).

- Các đại biểu khác, gồm:

+ Ông Trịnh Văn Tuệ - Bí thư Đảng ủy - Tổng giám đốc Tổng công ty

+ Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty

+ Ông Bùi Văn Chu - Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty

+ Các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Phó Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTN; Trưởng các Phòng, Ban chức năng Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.



### C. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thảo luận, thông qua và phê duyệt những nội dung sau:

1. Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.
2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.
3. Báo cáo tài chính hợp nhất; Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng công ty. Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2022.
4. Báo cáo thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
5. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.
6. Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.
7. Về thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2023 với TKV
8. Thông qua chủ trương quyết toán dự án hoàn thành Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh).
9. Thông qua chủ trương Thẩm tra, phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai.
10. Báo cáo tình hình thực hiện dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai.
11. Về nhân sự thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV.
12. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

### D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

#### I. Chào cờ tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu:

Ông Hoàng Văn Hà - Chánh Văn phòng Tổng công ty điều hành chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

#### II. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố ĐHĐCĐ đủ điều kiện tiến hành. Nội dung cơ bản của kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

\* Tính đến 17h00 ngày 08/03/2023 theo xác nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam:

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP: 1.093 cổ đông trong đó có 01 tổ chức và 1.090 cá nhân trong nước; 01 tổ chức nước ngoài và 01 cá nhân nước ngoài.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP: 200.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 1.093 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần (tương ứng với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết)

\* Tính đến 08h00 ngày 06/04/2022 thời gian bắt đầu diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022: Số đại biểu là cổ đông và đại diện được ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là người, sở hữu và đại diện cho cổ phần, chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

- Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

(Có Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

### III. Giới thiệu Chủ tọa

Ông Hoàng Văn Hà - Chánh Văn phòng Tổng công ty thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP làm Chủ tọa ĐHĐCĐ. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa giới thiệu và mời Ông Trịnh Văn Tuệ - TV.HĐQT - Tổng giám đốc Tổng công ty cùng tham gia Chủ tọa điều hành Đại hội.

### IV. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Thư ký ĐHĐCĐ

#### 1. Giới thiệu Ban Thư ký

Để giúp việc ghi chép diễn biến ĐHĐCĐ, Chủ tọa đã giới thiệu Ban Thư ký gồm các thành viên sau:

- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tổng công ty - Trưởng ban
- Ông Cao Anh Hào - Trưởng phòng MĐC Tổng công ty - Thành viên

#### 2. Biểu quyết thông qua Ban Thư ký

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua Ban Thư ký:

\* *Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

\* *Tỷ lệ biểu quyết:*

- *Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu.*

- *Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.*

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua thành phần Ban Thư ký Đại hội.

## V. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm tra kết quả biểu quyết

### 1. Giới thiệu danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết

Để thực hiện công tác kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết của ĐHĐCĐ, Chủ tọa giới thiệu thành phần Ban kiểm tra kết quả biểu quyết để ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua là 05 người, trong đó 01 Trưởng ban và 04 thành viên như sau:

- |  |            |
|--|------------|
| 1. Ông Trần Minh Tuấn - Trưởng phòng QTK Tổng công ty: | Trưởng Ban |
| 2. Ông Đỗ Quang Tài - Trưởng Ban CSPL Công đoàn TCty:  | Thành viên |
| 3. Bà Vũ Thanh Hằng - Phó Ban TCHC Công đoàn TCty:     | Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Chuyên viên Phòng QTK TCT:    | Thành viên |
| 5. Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Chuyên viên Phòng TCKT TCT: | Thành viên |

### 2. Biểu quyết thông qua số lượng và danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua số lượng và danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

\* *Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

\* *Tỷ lệ biểu quyết:*

- *Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu.*

- *Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp".*

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua thành phần Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

## VI. Chương trình ĐHĐCĐ và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

### 1. Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Trưởng phòng TCLĐ Tổng công ty trình bày Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (có nội dung chi tiết chương trình kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

\* *Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

\* *Tỷ lệ biểu quyết:*

- *Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu.

- Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

## 2. Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Trưởng phòng TCLĐ Tổng công ty trình bày Dự thảo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (có nội dung chi tiết Quy chế kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu.

- Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

## VII- Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2022 và kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty trình bày Báo cáo số /BC-VIMICO ngày về đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2022 và kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023 của Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP. Các nội dung chủ yếu của báo cáo như sau:

## 1. Kết quả SXKD, ĐTXD năm 2021

### - Tổng doanh thu :

\* Công ty mẹ - Tổng công ty: 11.800 tỷ đồng/7.191 tỷ đồng, bằng 164,09% KHN và bằng 148,98% so với năm 2021 (Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 10.658 tỷ đồng/ 7.121 tỷ đồng KH, đạt 149,67% KHN và bằng 164,17% so với năm 2021).

\* Hợp nhất toàn Tcty: 12.284 tỷ đồng/11.712 tỷ đồng, bằng 104,88% KHN và bằng 153,37% so với năm 2021 (Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 12.070 tỷ đồng/11.626 tỷ đồng KH, đạt 103,82% KHN và bằng 154,17% so với năm 2021).

### - Lợi nhuận trước thuế:

+ Công ty mẹ: 57,557 tỷ đồng/180 tỷ đồng KH điều chỉnh, đạt 31,97%, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau kiểm toán 168 tỷ đồng điều chỉnh vào số đầu kỳ dẫn đến lợi nhuận trước thuế không đạt nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn đạt kế hoạch.

+ Hợp nhất toàn TCT: : đạt 247,173/300 tỷ đồng KH ĐC, bằng 82,39% so với KH điều chỉnh.

### - Tổng số lao động:

+ Công ty mẹ: 2.635 người.

+ Toàn Tổng công ty: 5.091 người, đạt 99,03 % KH năm và bằng 110,24 % so với thực hiện năm 2021

### - Thu nhập bình quân:

+ Công ty mẹ: 16,212 triệu đồng/người/tháng.

+ Toàn Tổng công ty: 13,822 triệu đồng/người/tháng, bằng 105,84 % KH năm và bằng 101,17 % so với thực hiện năm 2021.

- Nộp ngân sách: đạt 1.428,055 tỷ đồng, tăng 193 tỷ đồng so với năm 2021.

- Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2022 công ty mẹ Tổng công ty: đạt 995.304 triệu đồng, bằng 96,43% KH năm 2022.

## 2. Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023

Sau khi tiếp thu ý kiến của cổ đông TKV tại văn bản số: .... Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2022 có các nội dung chính như sau:

### 2.1. Sản lượng sản xuất:

#### 2.1.1. Công ty mẹ - Tổng công ty:

Tinh quặng đồng 25%Cu: 70.882 tấn; Tinh quặng sắt 60% Fe: 126.788 tấn; Đồng tấm: 30.000 tấn; Vàng: 950 kg; Bạc: 1.090 kg; Axit sunfuric: 112.700 tấn. Mỏ đồng Sin Quyền bóc đất đá: 15 triệu m<sup>3</sup> và khai thác 2,1 triệu tấn quặng nguyên khai; Mỏ Vi kềm: 200.000 tấn.

#### 2.1.2. Các Công ty con

Kẽm thỏi: 9.500 tấn; Phôi thép: 220.000 tấn; Thiếc thỏi quy 99,75%Sn: 140 tấn; Tinh quặng sắt 60%Fe: 67.083 tấn (mỏ Kíp Tước); A xit sunfuric: 10.508 tấn (KLM Thái Nguyên).

### 2.2. Tổng doanh thu:

- Doanh thu Công ty mẹ: 8.277 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 8.193 tỷ đồng, doanh thu khác: 84 tỷ đồng.

- Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 12.556 tỷ đồng. Trong đó: Sản xuất khoáng sản: 12.454 tỷ đồng; Sản xuất kinh doanh khác: 102 tỷ đồng.

### 2.3. Lợi nhuận:

- Lợi nhuận Công ty mẹ: 192 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 132 tỷ đồng; cổ tức được chia: 60 tỷ đồng.

- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tcty: 215 tỷ đồng.

### 2.4. Cổ tức: $\geq 5\%$

### 2.5. Kế hoạch ĐTXD năm 2022

- Toàn Tổng công ty: 677.619 triệu đồng. Trong đó: Xây lắp: 105.214 triệu đồng; Thiết bị: 549.370 triệu đồng; Chi phí tư vấn và khác: 23.035 triệu đồng.

- Công ty mẹ - Tổng công ty: 616.544 triệu đồng. Trong đó: Xây lắp: 95.994 triệu đồng; Thiết bị: 503.014 triệu đồng; Chi phí tư vấn và khác: 17.536 triệu đồng.

### 2.6. Lao động, Tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động

- Lao động sử dụng BQ: 5.125 người, trong đó Cty mẹ - Tcty: 2.686 người.

- Tiền lương bình quân chung toàn Tổng công ty đạt 14,856 triệu đồng/người/tháng. Trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 17,418 triệu đồng/người/tháng.

### 2.7. Nộp ngân sách: 1.082 tỷ đồng.

Về tổ chức thực hiện: ĐHĐCD giao cho HĐQT chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động, đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, biến động thị trường,...

## VIII. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022; BCTC Công ty Mẹ năm 2022; Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ năm 2022; Kết quả thực hiện chi trả tiền lương 2022 và kế hoạch chi trả thù lao 2023

Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng Tổng công ty trình bày Tờ trình số /TTr-VIMICO ngày về việc thông qua BCTC hợp nhất và BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán 2022 và Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP; Tờ trình số /TTr-VIMICO ngày về việc thông qua kết quả thực hiện chi trả tiền lương 2022 và kế hoạch chi trả thù lao 2023. Với các nội dung chính như sau:

### 1. Báo cáo tài chính hợp nhất; BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán năm 2022

#### 1.1. Công ty mẹ Tổng công ty

##### 1.1.1. Bảng cân đối kế toán

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>8.338.781</b>	<b>9.142.922</b>
1	Tài sản ngắn hạn	3.470.486	4.526.018
2	Tài sản dài hạn	4.868.295	4.616.904

<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>8.338.781</b>	<b>9.142.922</b>
1	Nợ phải trả	5.869.569	6.373.505
2	Vốn chủ sở hữu	2.469.212	2.769.417
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	2.000.000	2.000.000
	<i>LNST chưa phân phối</i>	279.327	766.061

### 1.1.2. Kết quả SXKD

*DVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	11.800.563	7.925.495
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	57.557	855.340
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	57.001	694.745

### 1.2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

#### 1.2.1. Bảng cân đối kế toán

*DVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>10.695.437</b>	<b>11.435.250</b>
1	Tài sản ngắn hạn	4.356.204	5.269.233
2	Tài sản dài hạn	6.339.233	6.166.017
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>10.695.437</b>	<b>11.435.250</b>
1	Nợ phải trả	7.592.984	8.115.248
2	Vốn chủ sở hữu	3.102.454	3.320.002
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	2.000.000	2.000.000
	<i>LNST chưa phân phối</i>	379.086	832.864

#### 1.2.2. Kết quả SXKD

*DVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	12.284.143	8.016.389
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	247.173	1.303.048
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	202.063	1.084.395

*(BCTC đã được kiểm toán kèm theo)*



## 2. Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ năm 2022

STT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	279.013.729.712
2	Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối	279.013.729.712
3	Quỹ ĐTPT	189.792.617.619
4	Phương án PPLN	
4.1	Chi trả cổ tức (15%), trong đó:	300.000.000.000
4.1.1	Từ nguồn LNST	200.000.000.000
4.1.2	Từ nguồn quỹ ĐTPT	100.000.000.000
4.2	Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNTT	-
4.3	Phân phối các quỹ	64.447.046.183
a	Trích quỹ ĐTPT (tối đa 30%)	0
b	Trích quỹ KTPL (1 tháng lương)	64.079.546.183
	Tr.đó:	
	- Quỹ khen thưởng (50%)	32.039.773.092
	- Quỹ phúc lợi (50%)	32.039.773.091
c	Trích quỹ thưởng người QLDN	367.500.000
5	LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2022 (5=1-4.1.1-4.3)	14.566.683.529
6	Dư Quỹ ĐTPT (6=3-4.1.2)	89.792.617.619

## 3. Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2022 và Kế hoạch 2023

Sau khi tiếp thu ý kiến của cổ đông TKV tại văn bản số: /TKV-KS ngày ; Tổng công ty đã trích thù lao của các TV.HĐQT; TGD; BKS 20% mức tiền lương thực hiện của các chức danh chuyên trách và sẽ quyết toán sau khi có đánh giá xếp loại doanh nghiệp của TKV và đánh giá mức độ hoàn thành của các thành viên được ủy quyền của TKV.

Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2022 và Kế hoạch 2023 có các nội dung chính như sau:

### 3. Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2022 và kế hoạch 2023

#### 3.1. Thực hiện 2022

##### 3.1.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	Tổng giám đốc	01	540.000.000	540.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	2.430.000.000	2.430.000.000
3	Kế toán trưởng	01	450.000.000	450.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>07</b>	<b>3.420.000.000</b>	<b>3.420.000.000</b>

## 3.1.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	TV HĐQT	01	486.000.000	486.000.000
2	TB kiểm soát	01	504.000.000	504.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>02</b>	<b>990.000.000</b>	<b>990.000.000</b>

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

3.1.3. Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Mức lương của Chủ tịch HĐQT tính bằng mức tiền lương thực hiện của TGD)

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	CT HĐQT	01	74.400.000	108.000.000
2	TV HĐQT	03	194.400.000	291.600.000
3	TV kiểm soát	02	120.000.000	194.400.000
	<b>Cộng</b>	<b>06</b>	<b>388.800.000</b>	<b>594.000.000</b>

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.
- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

## 3.2. Kế hoạch 2023

## 3.2.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Tổng giám đốc	01	51.000.000	612.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	45.900.000	2.754.000.000
3	Kế toán trưởng	01	42.500.000	510.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>07</b>		<b>3.876.000.000</b>

## 3.2.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách.

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	45.900.000	550.800.000
2	TB Kiểm soát	01	47.600.000	571.200.000
	<b>Cộng</b>	<b>02</b>		<b>1.122.000.000</b>

3.2.3. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách, tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
3	Thành viên BKS	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
	<b>Cộng</b>		<b>06</b>			<b>333.600.000</b>

Quỹ thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện của TV chuyên trách.

3.2.4. Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng mức tiền lương cơ bản của TV HĐQT chuyên trách.

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT độc lập	01	27.000.000	324.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>01</b>		<b>324.000.000</b>

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tcty năm 2023.

#### **IX. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng năm 2023.**

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty trình bày Báo cáo số /BC-VIMICO ngày về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 (có Báo cáo kèm theo).

#### **X. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022**

Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty trình bày Báo cáo số /BC-VIMICO ngày về việc báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo số của Ban Kiểm soát về việc thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 (có Báo cáo kèm theo).

#### **XI. Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023**

Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty trình bày Tờ trình số /TTr-VIMICO ngày về việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 với các nội dung chính sau:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán (làm cơ sở để lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023, gồm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn ERNST & YOUNG Việt Nam
- Công ty TNHH kiểm toán CPA VIỆT NAM (CPA Việt Nam);
- Công ty TNHH kiểm toán BDO (BDO);
- Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế (ICPA).

2. ĐHCĐ thông qua và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức lựa chọn 01 Công ty kiểm toán (theo danh sách trên) và ký kết hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2023 của Tổng công ty, đảm bảo một số nguyên tắc chính:

- Tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo đủ năng lực và phí kiểm toán cạnh tranh;

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2023, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2023 đến 30/06/2023);

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2023, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2023 đến 30/06/2023).

## **XII. Về thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2023 với TKV.**

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, TGD Tổng công ty trình bày Tờ trình số /TTr-VIMICO ngày về việc thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2023 với TKV.

## **XIII. Thông qua chủ trương quyết toán dự án hoàn thành Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh).**

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty trình bày Tờ trình số /TTr-VIMICO ngày về việc thông qua chủ trương quyết toán dự án hoàn thành Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh).

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV thực hiện các bước tiếp theo, bao gồm: thẩm tra; phê

duyet quyết toán vốn dự án hoàn thành sau khi có kết luận của KTNN làm việc tại Tổng công ty.

**XIV. Thông qua chủ trương Thẩm tra, phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai.**

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty trình bày Tờ trình số /TTr-VIMICO ngày về việc thông qua chủ trương Thẩm tra, phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua chủ trương Thẩm tra, phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai, cụ thể như sau:

- Cho phép Thuê tư vấn Thẩm tra báo cáo quyết toán vốn dự án hoàn thành;
- Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện việc Thẩm tra báo cáo quyết toán vốn dự án hoàn thành để làm cơ sở cho HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt hoặc thông qua để HĐQT phê duyệt.

**XV. Báo cáo tình hình thực hiện dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai**

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo tình hình thực hiện dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai

**XVI. Bầu cử nhân sự thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV.**

**XVII. Ý kiến thảo luận**

**XVIII. Báo cáo kết quả biểu quyết**

Ông Trần Minh Tuấn - Trưởng Ban kiểm tra kết quả biểu quyết trình bày Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết (tổng hợp chi tiết các nội dung đã biểu quyết, có Biên bản kèm theo). Kết quả thông qua các nội dung như sau:

**XIX. Tổng hợp các vấn đề đã được Đại hội thông qua**

STT	Nội dung biểu quyết	Tỷ lệ thông qua
1	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2022	100%
2	Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.	100%
3	- BCTC hợp nhất; BCTC Công ty Mẹ - Tổng công ty	100%

4	- Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2022	100%
5	- Thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2022 và kế hoạch năm 2023.	100%
6	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.	100%
7	- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023. Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022	100%
8	- Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.	100%
9	- Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2022 với TKV.	100%
10	- Thông qua chủ trương quyết toán dự án hoàn thành Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh).	100%
11	- Thông qua chủ trương Thẩm tra, phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai.	100%
12	Bầu cử nhân sự thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV.	100%

## XX. Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ

Ông Cao Anh Hào – Thành viên Ban Thư ký ĐHĐCĐ trình bày toàn văn Dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

### 1. Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ:

Ý kiến thảo luận về Biên bản Đại hội: không.

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu.

- Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí việc “Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2023”

## 2. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ

Ý kiến thảo luận về Nghị quyết Đại hội: không.

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: phiếu/ phiếu.

- Số phiếu không tán thành: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: phiếu/ phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí việc “Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ”

## XXI. Bế mạc ĐHĐCĐ

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với sự chấp thuận của 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản này được lập vào hồi 12h00' ngày 25/4/2023 ngay sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, 03 (ba) bản lưu tại Trụ sở chính của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

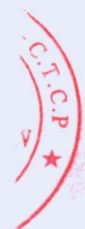
Đại hội đồng cổ đông bế mạc lúc 12h00' ngày 25/4/2023./.

**TM. BAN THƯ KÝ  
TRƯỞNG BAN**

**TM. BAN CHỦ TỌA ĐHĐCĐ  
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Thị Phương Thảo**

**Nguyễn Văn Hải**







Số: /NQ-VIMICO

**ĐU THẢO**

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023  
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 06/4/2022;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP vào ngày 25/4/2023,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua kết quả SXKD, ĐTXD năm 2022, mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm 2023 với các nội dung sau:**

**1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022****- Tổng doanh thu :**

\* Công ty mẹ - Tổng công ty: 11.800 tỷ đồng/7.191 tỷ đồng, bằng 164,09% KHN và bằng 148,98% so với năm 2021 (Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 10.658 tỷ đồng/ 7.121 tỷ đồng KH, đạt 149,67% KHN và bằng 164,17% so với năm 2021).

\* Hợp nhất toàn Tcty: 12.284 tỷ đồng/11.712 tỷ đồng, bằng 104,88% KHN và bằng 153,37% so với năm 2021 (Trong đó: Doanh thu khoáng sản: 12.070 tỷ đồng/11.626 tỷ đồng KH, đạt 103,82% KHN và bằng 154,17% so với năm 2021).

**- Lợi nhuận trước thuế:**

+ Công ty mẹ: 57,557 tỷ đồng/180 tỷ đồng KH điều chỉnh, đạt 31,97%, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận sau kiểm toán 168 tỷ đồng điều chỉnh vào số đầu kỳ dẫn đến lợi nhuận trước thuế không đạt nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn đạt kế hoạch.

+ Hợp nhất toàn TCT: : đạt 247,173/300 tỷ đồng KH ĐC, bằng 82,39% so với KH điều chỉnh.

**- Tổng số lao động:**

+ Công ty mẹ: 2.635 người.

+ Toàn Tổng công ty: 5.091 người, đạt 99,03 % KH năm và bằng 110,24 % so với thực hiện năm 2021

**- Thu nhập bình quân:**

+ Công ty mẹ: 16,212 triệu đồng/người/tháng.

+ Toàn Tổng công ty: 13,822 triệu đồng/người/tháng, bằng 105,84 % KH năm và bằng 101,17 % so với thực hiện năm 2021.

- Nộp ngân sách: đạt 1.428,055 tỷ đồng, tăng 193 tỷ đồng so với năm 2021.

- Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2022 công ty mẹ Tổng công ty: đạt 995.304 triệu đồng, bằng 96,43% KH năm 2022.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**2. Thông qua kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2023**

**2.1. Sản lượng sản xuất:**

**2.1.1. Công ty mẹ - Tổng công ty:**

Tinh quặng đồng 25%Cu: 70.882 tấn; Tinh quặng sắt 60% Fe: 126.788 tấn; Đồng tấm: 30.000 tấn; Vàng: 950 kg; Bạc: 1.090 kg; Axit sunfuric: 112.700 tấn. Mỏ đồng Sin Quyền bóc đất đá: 15 triệu m<sup>3</sup> và khai thác 2,1 triệu tấn quặng nguyên khai; Mỏ Vi kẽm: 200.000 tấn.

**2.1.2. Các Công ty con**

Kẽm thỏi: 9.500 tấn; Phôi thép: 220.000 tấn; Thiếc thỏi quy 99,75%Sn: 140 tấn; Tinh quặng sắt 60%Fe: 67.083 tấn (mỏ Kíp Tước); A xit sunfuric: 10.508 tấn (KLM Thái Nguyên).

**2.2. Tổng doanh thu:**

- Doanh thu Công ty mẹ: 8.277 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 8.193 tỷ đồng, doanh thu khác: 84 tỷ đồng.

- Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 12.556 tỷ đồng. Trong đó: Sản xuất khoáng sản: 12.454 tỷ đồng; Sản xuất kinh doanh khác: 102 tỷ đồng.

**2.3. Lợi nhuận:**

- Lợi nhuận Công ty mẹ: 192 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 132 tỷ đồng; cổ tức được chia: 60 tỷ đồng.

- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tcty: 215 tỷ đồng.

**2.4. Cổ tức:  $\geq 5\%$**

**2.5. Kế hoạch ĐTXD năm 2022**

- Toàn Tổng công ty: 677.619 triệu đồng. Trong đó: Xây lắp: 105.214 triệu đồng; Thiết bị: 549.370 triệu đồng; Chi phí tư vấn và khác: 23.035 triệu đồng.

- Công ty mẹ - Tổng công ty: 616.544 triệu đồng. Trong đó: Xây lắp: 95.994 triệu đồng; Thiết bị: 503.014 triệu đồng; Chi phí tư vấn và khác: 17.536 triệu đồng.

**2.6. Lao động, Tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động**

- Lao động sử dụng BQ: 5.125 người, trong đó Cty mẹ - Tcty: 2.686 người.

- Tiền lương bình quân chung toàn Tổng công ty đạt 14,856 triệu đồng/người/tháng. Trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 17,418 triệu đồng/người/tháng.

**2.7. Nộp ngân sách: 1.082 tỷ đồng.**

Về tổ chức thực hiện: ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động, đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, biến động thị trường,...

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 2. Thông qua BCTC hợp nhất; BCTC Công ty Mẹ - Tổng công ty và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP; Thông qua kết quả thực hiện chi trả tiền lương 2022 và kế hoạch chi trả thù lao 2023**

**1. Báo cáo tài chính hợp nhất; BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán năm 2022**

**1.1. Công ty mẹ Tổng công ty**

**1.1.1. Bảng cân đối kế toán**

*ĐVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>8.338.781</b>	<b>9.142.922</b>
1	Tài sản ngắn hạn	3.470.486	4.526.018
2	Tài sản dài hạn	4.868.295	4.616.904
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>8.338.781</b>	<b>9.142.922</b>
1	Nợ phải trả	5.869.569	6.373.505
2	Vốn chủ sở hữu	2.469.212	2.769.417
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
	<i>LNST chưa phân phối</i>	<i>279.327</i>	<i>766.061</i>

**1.1.2. Kết quả SXKD**

*ĐVT: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	11.800.563	7.925.495
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	57.557	855.340
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	57.001	694.745

## 1.2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

### 1.2.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>10.695.437</b>	<b>11.435.250</b>
1	Tài sản ngắn hạn	4.356.204	5.269.233
2	Tài sản dài hạn	6.339.233	6.166.017
<b>II</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>10.695.437</b>	<b>11.435.250</b>
1	Nợ phải trả	7.592.984	8.115.248
2	Vốn chủ sở hữu	3.102.454	3.320.002
	<i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>	<i>2.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
	<i>LNST chưa phân phối</i>	<i>379.086</i>	<i>832.864</i>

### 1.2.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Cuối kỳ	Đầu năm
1	Tổng doanh thu	12.284.143	8.016.389
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	247.173	1.303.048
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	202.063	1.084.395

(BCTC đã được kiểm toán kèm theo)

## 2. Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ năm 2022

STT	Nội dung	Số tiền
<b>1</b>	<b>Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>279.013.729.712</b>
<b>2</b>	<b>Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối</b>	<b>279.013.729.712</b>
<b>3</b>	<b>Quỹ ĐTPT</b>	<b>189.792.617.619</b>
<b>4</b>	<b>Phương án PPLN</b>	
4.1	Chi trả cổ tức (15%), trong đó:	300.000.000.000
4.1.1	Từ nguồn LNST	200.000.000.000
4.1.2	Từ nguồn quỹ ĐTPT	100.000.000.000
4.2	Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNTT	-
4.3	Phân phối các quỹ	64.447.046.183
a	Trích quỹ ĐTPT (tối đa 30%)	0
b	Trích quỹ KTPL (1 tháng lương)	64.079.546.183

	<i>Tr.đó:</i>	
	- Quỹ khen thưởng (50%)	32.039.773.092
	- Quỹ phúc lợi (50%)	32.039.773.091
c	Trích quỹ thưởng người QLDN	367.500.000
5	<b>LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2022 (5=1-4.1.1-4.3)</b>	<b>14.566.683.529</b>
6	<b>Dư Quỹ ĐTPT (6=3-4.1.2)</b>	<b>89.792.617.619</b>

### 3. Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2022 và kế hoạch 2023

#### 3.1. Thực hiện 2022

##### 3.1.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	Tổng giám đốc	01	540.000.000	540.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	2.430.000.000	2.430.000.000
3	Kế toán trưởng	01	450.000.000	450.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>07</b>	<b>3.420.000.000</b>	<b>3.420.000.000</b>

##### 3.1.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	TV HĐQT	01	486.000.000	486.000.000
2	TB kiểm soát	01	504.000.000	504.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>02</b>	<b>990.000.000</b>	<b>990.000.000</b>

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

3.1.3. Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (*Mức lương của Chủ tịch HĐQT tính bằng mức tiền lương thực hiện của TGD*)

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2022	TH năm 2022
1	CT HĐQT	01	74.400.000	108.000.000
2	TV HĐQT	03	194.400.000	291.600.000
3	TV kiểm soát	02	120.000.000	194.400.000
	<b>Cộng</b>	<b>06</b>	<b>388.800.000</b>	<b>594.000.000</b>

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.
- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

### 3.2. Kế hoạch 2023

#### 3.2.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	Tổng giám đốc	01	51.000.000	612.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	05	45.900.000	2.754.000.000
3	Kế toán trưởng	01	42.500.000	510.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>07</b>		<b>3.876.000.000</b>

#### 3.2.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách.

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT	01	45.900.000	550.800.000
2	TB Kiểm soát	01	47.600.000	571.200.000
	<b>Cộng</b>	<b>02</b>		<b>1.122.000.000</b>

#### 3.2.3. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách, tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Tiền lương tháng	Số người	Tỷ lệ	Thù lao tháng	Thù lao năm
1	Chủ tịch HĐQT	31.000.000	01	20%	6.200.000	74.400.000
2	Thành viên HĐQT	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
3	Thành viên BKS	27.000.000	02	20%	5.400.000	129.600.000
	<b>Cộng</b>		<b>06</b>			<b>333.600.000</b>

Quỹ thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện của TV chuyên trách.

#### 3.2.4. Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng mức tiền lương cơ bản của TV HĐQT chuyên trách.

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Chức danh	Số người	Tiền lương tháng	Tiền lương năm
1	TV HĐQT độc lập	01	27.000.000	324.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>01</b>		<b>324.000.000</b>

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tcty năm 2023.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng năm 2023.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 5. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thống nhất:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán (làm cơ sở để lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Tổng công ty) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023, gồm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn ERNST & YOUNG Việt Nam
- Công ty TNHH kiểm toán CPA VIỆT NAM (CPA Việt Nam);
- Công ty TNHH kiểm toán BDO (BDO);
- Công ty TNHH kiểm toán Quốc tế (ICPA).

2. ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức lựa chọn 01 Công ty kiểm toán (theo danh sách trên) và ký kết hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2023 của Tổng công ty, đảm bảo một số nguyên tắc chính:

- Tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo đủ năng lực và phí kiểm toán cạnh tranh;
- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2023, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2023 đến 30/06/2023);

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2023, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2023 đến 30/06/2023).

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 6. Thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2023 với TKV.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2023 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 7. Thông qua chủ trương quyết toán dự án hoàn thành Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (điều chỉnh).**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV thực hiện các bước tiếp theo, bao gồm: thẩm tra; phê duyệt quyết toán vốn dự án hoàn thành sau khi có kết luận của KTNN làm việc tại Tổng công ty.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 8. Thông qua chủ trương Thẩm tra, phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua chủ trương Thẩm tra, phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai, cụ thể như sau:

- Cho phép Thuê tư vấn Thẩm tra báo cáo quyết toán vốn dự án hoàn thành;
- Ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện việc Thẩm tra báo cáo quyết toán vốn dự án hoàn thành để làm cơ sở cho HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt hoặc thông qua để HĐQT phê duyệt.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*



**Điều 9. Bầu cử nhân sự thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV.**

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP biểu quyết thông qua với tỉ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại ĐHĐCĐ.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và toàn thể Cổ đông của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. ĐHĐCĐ giao HĐQT và Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP./.

**Nơi nhận:**

- TKV; UBCK Nhà nước (b/c);
- HĐQT; BKS (E-copy);
- ĐU; CĐ; ĐTN (E-Copy);
- Các đơn vị, phòng ban (E-copy);
- Các cổ đông của Tổng công ty;
- Website Tổng công ty;
- Lưu: VT; HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Văn Hải**

